**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH**

**NỘI DUNG DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 52/2018/TT-NHNN NGÀY 31/12/2018 QUY ĐỊNH VỀ XẾP HẠNG TCTD, CHI NHÁNH NHNNG (DỰ THẢO THÔNG TƯ)**

**I. Sự cần thiết xây dựng Thông tư:**

**1. Cơ sở pháp lý:**

- Điều 58 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010 về nội dung giám sát ngân hàng quy định: *“...3. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hoạt động, quản trị, điều hành và mức độ rủi ro của tổ chức tín dụng; xếp hạng các tổ chức tín dụng hằng năm...”.*

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định:

+ Điều 4 quy định:

*1. Khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, chức danh có thẩm quyền theo quy định của pháp luật được tiếp tục thực hiện bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đó.*

*…*

*4. Trường hợp văn bản hiện hành quy định trách nhiệm phối hợp công tác giữa cơ quan thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp với cơ quan khác thì cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan được sắp xếp chịu trách nhiệm tiếp tục thực hiện nội dung công việc đó theo quy định.*

*5. Cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục thực hiện các công việc, thủ tục đang được các cơ quan thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp thực hiện. Trường hợp các công việc, thủ tục đang thực hiện hoặc đã hoàn thành trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước nhưng phát sinh vấn đề liên quan cần giải quyết sau khi sắp xếp thì cơ quan tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với cơ quan liên quan để giải quyết vấn đề phát sinh đó.*

+ Khoản 2 Điều 11 quy định: *Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.*

- Ngày 24/02/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 26/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của NHNN, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2025; trong đó có quy định mới về tổ chức bộ máy của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN). Trên cơ sở đó, Thống đốc NHNN đã ban hành các Quyết định mới về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc NHNN.

*Tại Thông tư số 52/2018/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2021/TT-NHNN (Thông tư số 52) có một số nội dung quy định liên quan đến Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố là các đơn vị thuộc đối tượng thực hiện sắp xếp. Do đó, thực hiện quy định tại Nghị quyết số 190/2025/QH15 và Nghị định số 26/2025/NĐ-CP nêu trên, NHNN cần thiết ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52 để sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến các đơn vị nêu trên nhằm phù hợp với cơ cấu tổ chức bộ máy mới của NHNN và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị liên quan được sắp xếp lại.*

- Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2024) đã sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt đối với các TCTD, CNNHNNg (TCTD). Thông tư số 52 có một số nội dung quy định liên quan đến xếp hạng được tham chiếu đến các quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

*Do đó, NHNN cần thiết ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52 để sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan nêu trên để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành*.

**2. Cơ sở thực tiễn**

- Việc xây dựng và ban hành dự thảo Thông tư được căn cứ trên các văn bản chỉ đạo, điều hành của Đảng, Chính phủ và NHNN (Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 20/01/2025 của Thống đốc NHNN về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2025, Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 20/01/2025 của Thống đốc NHNN về đẩy mạnh chuyển đổi số và bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ngân hàng năm 2025).

- Các chỉ đạo, định hướng của các cấp có thẩm quyền liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong lĩnh vực ngân hàng tập trung vào việc tăng cường hiệu quả công tác giám sát hoạt động của các TCTD, trong đó có nhiệm vụ nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư số 52.

**II. Định hướng xây dựng Thông tư:**

Căn cứ vào cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, dự thảo Thông tư được xây dựng dựa trên các định hướng: hoàn thiện hơn nữa cơ sở pháp lý về xếp hạng các TCTD; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị liên quan; từ đó tăng cường hiệu quả của công tác giám sát ngân hàng, đảm bảo an toàn, lành mạnh hệ thống các TCTD.

**III – Nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư:**

**1. Tên Thông tư:**

Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

**2. Các nội dung cơ bản của dự thảo Thông tư:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2018/TT-NHNN;**

**Điều 2.** Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều của Thông tư số 52/2018/TT-NHNN;

**Điều 3. Tổ chức thực hiện;**

**Điều 4. Hiệu lực thi hành.**

**IV. Bản so sánh dự thảo Thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 52/2018/TT-NHNN (DTTT) và Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 quy định về xếp hạng TCTD, chi nhánh NHNNg (Thông tư số 52)**

| **STT** | **Thông tư số 52** | **Nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 52** | **Lý do sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | **QUY ĐỊNH CHUNG**  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về việc xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | **QUY ĐỊNH CHUNG**  **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về việc xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **2** | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:  a) Tổ chức tín dụng bao gồm: Ngân hàng thương mại (bao gồm ngân hàng thương mại do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài), ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính;  b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Thông tư này không áp dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt;  b) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã gửi Ngân hàng Nhà nước hồ sơ đề nghị giải thể (trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giải thể tự nguyện) hoặc đã bị Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu thanh lý tài sản, thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý (trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép) theo quy định của pháp luật;  c) Thời gian hoạt động chưa đủ 24 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng sau đây:  a) Tổ chức tín dụng bao gồm: Ngân hàng thương mại (bao gồm ngân hàng thương mại do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài), ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính;  b) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Thông tư này không áp dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt;  b) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã gửi Ngân hàng Nhà nước hồ sơ đề nghị giải thể (trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài giải thể tự nguyện) hoặc đã bị Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu thanh lý tài sản, thành lập Hội đồng thanh lý, Tổ giám sát thanh lý (trong trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị thu hồi Giấy phép) theo quy định của pháp luật;  c) Thời gian hoạt động chưa đủ 24 tháng kể từ ngày khai trương hoạt động.  *d) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được can thiệp sớm theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).* | Bổ sung điểm d vào khoản 2 Điều 2 đối tượng không áp dụng gồm:  *Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được can thiệp sớm theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).*  Lý do: Theo quy định tại Điều 156,157,158,159,160 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi được áp dụng can thiệp sớm phải xây dựng và thực hiện phương án khắc phục. Đồng thời, trong thời gian thực hiện phương án khắc phục, tổ chức tín dụng được can thiệp sớm được áp dụng một số biện pháp hỗ trợ. Vì vậy, việc đánh giá thực trạng hoạt động, rủi ro đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thông qua các tiêu chí đánh giá tại Thông tư xếp hạng sẽ không còn phù hợp. |
| **3** | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1[[1]](#footnote-1). Tỷ lệ an toàn vốn là chỉ tiêu được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2[[2]](#footnote-2). Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 là chỉ tiêu được xác định cụ thể như sau:  a) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)), tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 được xác định bằng công thức:  1  Việc xác định Vốn cấp 1 riêng lẻ, Tổng tài sản Có rủi ro riêng lẻ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  b) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 được xác định bằng công thức:  2  Trong đó:  - RWA: Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng  - KOR: Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động  - KMR: Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường  Việc xác định Vốn cấp 1, RWA, KOR, KMR theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN.  3[[3]](#footnote-3). Nợ cơ cấu tiềm ẩn trở thành nợ xấu là số dư nợ chưa chuyển nợ xấu do được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4[[4]](#footnote-4). Nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được là các khoản nợ xấu đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt và chưa được xử lý, thu hồi.  5[[5]](#footnote-5). Khách hàng có dư nợ tín dụng lớn là khách hàng (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có dư nợ tín dụng chiếm từ 5% vốn tự có trở lên của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Riêng đối với ngân hàng hợp tác xã, khách hàng có dư nợ tín dụng lớn bao gồm cả quỹ tín dụng nhân dân thành viên.  6. Chi phí hoạt động là khoản mục Chi phí hoạt động phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  7. Tổng thu nhập hoạt động là tổng của các khoản Thu nhập lãi thuần, Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ, Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh, Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư, Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác và Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  8. Vốn chủ sở hữu bình quân là khoản mục vốn chủ sở hữu phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm.  9. Tổng tài sản bình quân là khoản mục tổng tài sản phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm.  10. Thu nhập lãi cận biên (NIM) là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này phản ánh chênh lệch giữa lãi suất huy động bình quân và lãi suất cho vay bình quân của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này được xác định như sau:  3  Trong đó:  - Thu nhập lãi thuần là khoản mục Thu nhập lãi thuần phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Tài sản Có sinh lãi bình quân là tổng các khoản mục Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác (không bao gồm dự phòng rủi ro), Cho vay khách hàng (không bao gồm dự phòng rủi ro), Mua nợ (không bao gồm dự phòng rủi ro), Chứng khoán đầu tư (không bao gồm dự phòng rủi ro, dự phòng giảm giá và trái phiếu VAMC), phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm[[6]](#footnote-6).  11. Số ngày lãi phải thu là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này phản ánh số ngày cần thiết để thu các khoản lãi phải thu đã ghi nhận vào thu nhập của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này được xác định như sau:  4  Trong đó:  - Lãi và phí phải thu là khoản mục Lãi và phí phải thu phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Thu nhập từ lãi và các khoản tương tự là Thu nhập từ lãi và các khoản tương tự phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - n nhận các giá trị lần lượt như sau: n = 4 nếu ước tính số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu của Quý, n = 2 nếu ước tính số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu 6 tháng, n = 4/3 nếu ước tính số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu 9 tháng, n = 1 nếu xác định số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu năm.  12. Tài sản có tính thanh khoản cao bình quân là tài sản có tính thanh khoản cao được xác định theo quy định của pháp luật về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tỷ lệ khả năng chi trả), được tính bình quân các ngày làm việc cuối cùng của các quý trong năm.  13. Khách hàng có số dư tiền gửi lớn là 10 khách hàng (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có số dư tiền gửi lớn nhất tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  14. Tỷ lệ tổng trạng thái ngoại tệ so với vốn tự có riêng lẻ bình quân được xác định như sau:  5  Trong đó:  - k nhận các giá trị từ 1 đến 12, tương ứng với 12 tháng trong năm xếp hạng. Trong trường hợp k = 1, Vốn tự có riêng lẻ tháng (k-1) là Vốn tự có riêng lẻ tại thời điểm cuối tháng 12 của năm liền kề trước năm xếp hạng.  - Tổng trạng thái ngoại tệ dương tháng k và tổng trạng thái ngoại tệ âm tháng k được xác định theo quy định pháp luật về trạng thái ngoại tệ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại ngày làm việc cuối cùng của tháng k.  - Vốn tự có riêng lẻ được xác định theo quy định của pháp luật về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ).  15. Tỷ lệ chênh lệch giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nợ phải trả nhạy cảm lãi suất so với Vốn chủ sở hữu được xác định như sau:  6  Trong đó:  - Tài sản nhạy cảm lãi suất là Tổng tài sản nội bảng nhạy cảm với lãi suất (không bao gồm tài sản không chịu lãi) phản ánh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Nợ phải trả nhạy cảm lãi suất là Tổng nợ phải trả nội bảng cân đối kế toán nhạy cảm với lãi suất (không bao gồm nợ phải trả không chịu lãi) phản ánh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài[[7]](#footnote-7).  - Vốn chủ sở hữu khoản mục vốn chủ sở hữu phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  16[[8]](#footnote-8). Mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm là giá trị trung bình của mức phạt tiền tối đa và mức phạt tiền tối thiểu của khung tiền phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm của tổ chức được quy định tại Nghị định quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đang có hiệu lực tại thời điểm 31/12 năm xếp hạng (đối với trường hợp xếp hạng định kỳ) hoặc ngày cuối cùng của quý liền kề trước thời điểm xếp hạng (đối với trường hợp xếp hạng theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Thông tư này). | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. *Tỷ lệ an toàn vốn* là chỉ tiêu được xác định theo quy định đang có hiệu lực thi hành của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện theo quy định tại Thông tư số …[/2025/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Thong-tu-41-2016-TT-NHNN-ty-le-an-toan-ngan-hang-chi-nhanh-ngan-hang-nuoc-ngoai-336513.aspx) ngày 30/6/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là Thông tư …[/2025/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Thong-tu-41-2016-TT-NHNN-ty-le-an-toan-ngan-hang-chi-nhanh-ngan-hang-nuoc-ngoai-336513.aspx)), tỷ lệ an toàn vốn được xác định theo quy định tại Thông tư …[/2025/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Thong-tu-41-2016-TT-NHNN-ty-le-an-toan-ngan-hang-chi-nhanh-ngan-hang-nuoc-ngoai-336513.aspx).  2. *Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1* là chỉ tiêu được xác định theo quy định đang có hiệu lực thi hành của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và được xác định cụ thể như sau:  a) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)), tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 được xác định bằng công thức:  1  Việc xác định Vốn cấp 1 riêng lẻ, Tổng tài sản Có rủi ro riêng lẻ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  b) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 được xác định bằng công thức:  2  Trong đó:  - RWA: Tổng tài sản tính theo rủi ro tín dụng  - KOR: Vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động  - KMR: Vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường  Việc xác định Vốn cấp 1, RWA, KOR, KMR theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN.  c) Trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư …[/2025/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Thong-tu-41-2016-TT-NHNN-ty-le-an-toan-ngan-hang-chi-nhanh-ngan-hang-nuoc-ngoai-336513.aspx), tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 được xác định theo quy định tại Thông tư …[/2025/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Thong-tu-41-2016-TT-NHNN-ty-le-an-toan-ngan-hang-chi-nhanh-ngan-hang-nuoc-ngoai-336513.aspx).”  3. Nợ cơ cấu tiềm ẩn trở thành nợ xấu là số dư nợ của khách hàng chưa chuyển sang nhóm nợ xấu do được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được là các khoản nợ xấu đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt và chưa được xử lý, thu hồi.  *5. Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng đối với 100 khách hàng lớn nhất so với dư nợ cấp tín dụng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân được xác định bằng tổng dư nợ tín dụng đối với 100 khách hàng (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có dư nợ tín dụng lớn nhất so với dư nợ cấp tín dụng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân. Riêng đối với ngân hàng hợp tác xã, 100 khách hàng có dư nợ tín dụng lớn nhất bao gồm cả quỹ tín dụng nhân dân thành viên. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có ít hơn 100 khách hàng (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), thì Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng đối với 100 khách hàng lớn nhất so với dư nợ cấp tín dụng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân có giá trị bằng 100%.*  6. Chi phí hoạt động là khoản mục Chi phí hoạt động phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  7. Tổng thu nhập hoạt động là tổng của các khoản Thu nhập lãi thuần, Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ, Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh, Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư, Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác và Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  8. Vốn chủ sở hữu bình quân là khoản mục vốn chủ sở hữu phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm.  9. Tổng tài sản bình quân là khoản mục tổng tài sản phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm.  10. Thu nhập lãi cận biên (NIM) là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này phản ánh chênh lệch giữa lãi suất huy động bình quân và lãi suất cho vay bình quân của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này được xác định như sau:  3  Trong đó:  - Thu nhập lãi thuần là khoản mục Thu nhập lãi thuần phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Tài sản Có sinh lãi bình quân là tổng các khoản mục Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác và cho vay các tổ chức tín dụng khác (không bao gồm dự phòng rủi ro), Cho vay khách hàng (không bao gồm dự phòng rủi ro), Mua nợ (không bao gồm dự phòng rủi ro), Chứng khoán đầu tư (không bao gồm dự phòng rủi ro, dự phòng giảm giá và trái phiếu VAMC), phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm[[9]](#footnote-9).  11. Số ngày lãi phải thu là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này phản ánh số ngày cần thiết để thu các khoản lãi phải thu đã ghi nhận vào thu nhập của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Chỉ tiêu này được xác định như sau:  4  Trong đó:  - Lãi và phí phải thu là khoản mục Lãi và phí phải thu phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Thu nhập từ lãi và các khoản tương tự là Thu nhập từ lãi và các khoản tương tự phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - n nhận các giá trị lần lượt như sau: n = 4 nếu ước tính số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu của Quý, n = 2 nếu ước tính số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu 6 tháng, n = 4/3 nếu ước tính số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu 9 tháng, n = 1 nếu xác định số ngày lãi phải thu của năm xếp hạng dựa trên số liệu năm.  12. Tài sản có tính thanh khoản cao bình quân là tài sản có tính thanh khoản cao được xác định theo quy định của pháp luật về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tỷ lệ khả năng chi trả), được tính bình quân các ngày làm việc cuối cùng của các quý trong năm.  13. Khách hàng có số dư tiền gửi lớn là 10 khách hàng (không bao gồm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có số dư tiền gửi lớn nhất tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  14. Tỷ lệ tổng trạng thái ngoại tệ so với vốn tự có riêng lẻ bình quân được xác định như sau:  5  Trong đó:  - k nhận các giá trị từ 1 đến 12, tương ứng với 12 tháng trong năm xếp hạng. Trong trường hợp k = 1, Vốn tự có riêng lẻ tháng (k-1) là Vốn tự có riêng lẻ tại thời điểm cuối tháng 12 của năm liền kề trước năm xếp hạng.  - Tổng trạng thái ngoại tệ dương tháng k và tổng trạng thái ngoại tệ âm tháng k được xác định theo quy định pháp luật về trạng thái ngoại tệ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại ngày làm việc cuối cùng của tháng k.  - Vốn tự có riêng lẻ được xác định theo quy định của pháp luật về tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ).  15. Tỷ lệ chênh lệch giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nợ phải trả nhạy cảm lãi suất so với Vốn chủ sở hữu được xác định như sau:  6  Trong đó:  - Tài sản nhạy cảm lãi suất là Tổng tài sản nội bảng nhạy cảm với lãi suất (không bao gồm tài sản không chịu lãi) phản ánh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  - Nợ phải trả nhạy cảm lãi suất là Tổng nợ phải trả nội bảng cân đối kế toán nhạy cảm với lãi suất (không bao gồm nợ phải trả không chịu lãi) phản ánh trên Thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài[[10]](#footnote-10).  - Vốn chủ sở hữu khoản mục vốn chủ sở hữu phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  *16. Mức phạt tiền tối thiểu là giá trị của mức phạt tiền tối thiểu của khung tiền phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm của tổ chức được quy định tại Nghị định quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng đang có hiệu lực tại thời điểm 31/12 năm xếp hạng (đối với trường hợp xếp hạng định kỳ) hoặc ngày cuối cùng của quý liền kề trước thời điểm xếp hạng (đối với trường hợp xếp hạng theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Thông tư này).*  *17. Các hành vi vi phạm được xác định là khắc phục xong bao gồm:*  *a) Các hành vi vi phạm được nêu tại kết luận thanh tra, kiểm tra đã được cơ quan quản lý có văn bản xác nhận hoàn thành;*  *b) Các hành vi vi phạm khác ngoài quy định tại điểm a khoản 18 Điều này đã được cơ quan quản lý yêu cầu thực hiện xác nhận đã hoàn thành bằng văn bản.*  *18. Tổng tài sản có khác bình quân là khoản mục tổng tài sản có khác phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, được tính bình quân các quý trong năm.* | Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 và bổ sung khoản 17, khoản 18 Điều 3, cụ thể:  1. Về sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2:  Để khuyến khích các TCTD áp dụng phương pháp tiêu chuẩn hoặc hoặc phương pháp xếp hạng nội bộ khi thực hiện tỷ lệ an toàn vốn, bổ sung quy định thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư số ....../2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025. Đồng thời, bổ sung vào DTTT quy định cộng thêm 01 điểm đối với chỉ tiêu định lượng về tỷ lệ an toàn vốn thuộc Tiêu chí Vốn khi thực hiện đánh giá, xếp hạng các TCTD.  2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:  *“3. Nợ cơ cấu tiềm ẩn trở thành nợ xấu là số dư nợ của khách hàng chưa chuyển nợ xấu do được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”*, trong đó sửa cụm từ *“số dư nợ”* thành *“số dư nợ của khách hàng”* để phản ánh rõ ràng hơn phạm vi của nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu.  3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 theo hướng: bổ sung hướng dẫn nội hàm của chỉ tiêu *“Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng đối với 100 khách hàng lớn nhất so với dư nợ cấp tín dụng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân”* làm cơ sở tính và chấm điểm đối với chỉ tiêu định lượng được bổ sung tại Điều 8 DTTT.  4. Sửa đổi, bổ sung khoản 16 theo hướng: sửa đổi nội dung quy định về *“mức phạt tiền trung bình đối với vi phạm”* thành *“mức phạt tiền tối thiểu”.*  5. Bổ sung khoản 18 về các hành vi vi phạm được xác định là khắc phục xong.  6. Bổ sung khoản 17 về giải thích từ ngữ *“tài sản có khác bình quân”* do bổ sung chỉ tiêu *“Tỷ lệ tài sản có khác bình quân so với Tổng tài sản bình quân”* tại Điều 8. |
| **4** | **Điều 4. Nguyên tắc và phương pháp xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Việc xếp hạng cần đảm bảo phản ánh đầy đủ thực trạng hoạt động, rủi ro của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được chia thành các nhóm đồng hạng, cụ thể như sau:  a) Nhóm 1: Ngân hàng thương mại có quy mô lớn (tổng giá trị tài sản bình quân theo quý trong năm xếp hạng trên 100.000 tỷ đồng);  b) Nhóm 2: Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ (tổng giá trị tài sản bình quân theo quý trong năm xếp hạng bằng hoặc thấp hơn 100.000 tỷ đồng);  c) Nhóm 3: Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  d) Nhóm 4: Công ty tài chính;  đ) Nhóm 5: Công ty cho thuê tài chính;  e) Nhóm 6: Ngân hàng hợp tác xã.  3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xếp hạng theo hệ thống tiêu chí. Từng tiêu chí xếp hạng bao gồm nhóm chỉ tiêu định lượng và nhóm chỉ tiêu định tính. Nhóm chỉ tiêu định lượng đo lường mức độ lành mạnh hoạt động ngân hàng trên cơ sở số liệu hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Nhóm chỉ tiêu định tính đo lường mức độ tuân thủ các quy định pháp luật của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Trọng số của nhóm chỉ tiêu, trọng số của từng chỉ tiêu theo từng nhóm đồng hạng được xác định trên cơ sở tầm quan trọng của từng nhóm chỉ tiêu, từng chỉ tiêu đối với mức độ lành mạnh hoạt động ngân hàng và yêu cầu của công tác thanh tra, giám sát.  5. Căn cứ vào mức điểm xếp hạng đạt được, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xếp vào một trong các hạng sau: Tốt (A), Khá (B), Trung bình (C), Yếu (D) hoặc Yếu kém (E). | **Điều 4. Nguyên tắc và phương pháp xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Việc xếp hạng cần đảm bảo phản ánh đầy đủ thực trạng hoạt động, rủi ro của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tuân thủ đúng quy định của pháp luật.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được chia thành các nhóm đồng hạng, cụ thể như sau:  a) Nhóm 1: Ngân hàng thương mại có quy mô lớn (tổng giá trị tài sản bình quân theo quý trong năm xếp hạng *trên 200.000 tỷ đồng*);  b) Nhóm 2: Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ (tổng giá trị tài sản bình quân theo quý trong năm xếp hạng *bằng hoặc thấp hơn 200.000 tỷ đồng*);  c) Nhóm 3: Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  d) Nhóm 4: Công ty tài chính;  đ) Nhóm 5: Công ty cho thuê tài chính;  e) Nhóm 6: Ngân hàng hợp tác xã.  3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xếp hạng theo hệ thống tiêu chí. Từng tiêu chí xếp hạng bao gồm nhóm chỉ tiêu định lượng và nhóm chỉ tiêu định tính. Nhóm chỉ tiêu định lượng đo lường mức độ lành mạnh hoạt động ngân hàng trên cơ sở số liệu hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Nhóm chỉ tiêu định tính đo lường mức độ tuân thủ các quy định pháp luật của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  4. Trọng số của nhóm chỉ tiêu, trọng số của từng chỉ tiêu theo từng nhóm đồng hạng được xác định trên cơ sở tầm quan trọng của từng nhóm chỉ tiêu, từng chỉ tiêu đối với mức độ lành mạnh hoạt động ngân hàng và yêu cầu của công tác thanh tra, giám sát.  5. Căn cứ vào mức điểm xếp hạng đạt được, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xếp vào một trong các hạng sau: Tốt (A), Khá (B), Trung bình (C), Yếu (D) hoặc Yếu kém (E). | Sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 4 về giá trị của Tổng tài sản bình quân để chia nhóm đồng hạng đối với NHTM như sau:  *“a) Nhóm 1: Ngân hàng thương mại có quy mô lớn (tổng giá trị tài sản bình quân theo quý trong năm xếp hạng trên 200.000 tỷ đồng);*  *b) Nhóm 2: Ngân hàng thương mại có quy mô nhỏ (tổng giá trị tài sản bình quân theo quý trong năm xếp hạng bằng hoặc thấp hơn 200.000 tỷ đồng).”*  Lý do:  Trong các năm qua, quy mô tổng tài sản của hệ thống các TCTD tăng lên đáng kể: năm 2018 (thời điểm xây dựng, ban hành Thông tư 52) đạt 11,07 triệu tỷ đồng; năm 2024 đạt 22,9 triệu tỷ đồng, gấp 2,1 lần so với tổng tài sản năm 2018 (trong đó, tổng tài sản của các NHTM tăng gấp 2,1 lần trong giai đoạn 2018-2024).  Vì vậy, việc điều chỉnh quy mô nhóm đồng hạng đối với các NHTM trong quá trình xếp hạng là cần thiết, để phù hợp hơn với thực tiễn. |
| **5** | **Điều 5. Tài liệu, thông tin, dữ liệu để xếp hạng**  1. Tài liệu, thông tin, dữ liệu sử dụng để xếp hạng:  a) Tài liệu, thông tin, dữ liệu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định pháp luật về chế độ báo cáo, thống kê;  a1)[[11]](#footnote-11) Thông tin, dữ liệu tại báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật;  b) Kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (bao gồm Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước khác và công ty kiểm toán độc lập);  c) Các tài liệu, thông tin và dữ liệu khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định pháp luật và theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.  2. Số liệu được sử dụng để tính điểm xếp hạng là:  a) Số liệu riêng lẻ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm công ty con, công ty liên kết);  b) Số liệu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngoại trừ các chỉ tiêu được tính bình quân;  c)[[12]](#footnote-12) Trường hợp thực hiện xếp hạng theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Thông tư này, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định phạm vi tài liệu, thông tin, dữ liệu được sử dụng để tính điểm xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | **Điều 5. Tài liệu, thông tin, dữ liệu để xếp hạng**  1. Tài liệu, thông tin, dữ liệu sử dụng để xếp hạng:  a) Tài liệu, thông tin, dữ liệu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định pháp luật về chế độ báo cáo, thống kê;  a1)[[13]](#footnote-13) Thông tin, dữ liệu tại báo cáo tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật;  b) Kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (bao gồm cả *Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực và các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*, các cơ quan quản lý nhà nước khác và công ty kiểm toán độc lập);  c) Các tài liệu, thông tin và dữ liệu khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định pháp luật và theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.  2. Số liệu được sử dụng để tính điểm xếp hạng là:  a) Số liệu riêng lẻ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm công ty con, công ty liên kết);  b) Số liệu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngoại trừ các chỉ tiêu được tính bình quân;  c)[[14]](#footnote-14) Trường hợp thực hiện xếp hạng theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Thông tư này, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định phạm vi tài liệu, thông tin, dữ liệu được sử dụng để tính điểm xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 1 Điều 5 theo hướng: bổ sung làm rõ hơn tài liệu, thông tin, dữ liệu sử dụng để xếp hạng bao gồm các kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực và các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| **6** | **Điều 6. Hệ thống tiêu chí xếp hạng**  1. Hệ thống tiêu chí được sử dụng để xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm:  a) Vốn (C);  b) Chất lượng tài sản (A);  c) Quản trị điều hành (M);  d) Kết quả hoạt động kinh doanh (E);  đ) Khả năng thanh khoản (L);  e) Mức độ nhạy cảm đối với rủi ro thị trường (S).  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được tính điểm theo các tiêu chí, nhóm chỉ tiêu được quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này. | **Điều 6. Hệ thống tiêu chí xếp hạng**  1. Hệ thống tiêu chí được sử dụng để xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm:  a) Vốn (C);  b) Chất lượng tài sản (A);  c) Quản trị điều hành (M);  d) Kết quả hoạt động kinh doanh (E);  đ) Khả năng thanh khoản (L);  e) Mức độ nhạy cảm đối với rủi ro thị trường (S).  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được tính điểm theo các tiêu chí, nhóm chỉ tiêu được quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **7** | **Mục 1**  **TIÊU CHÍ, NHÓM CHỈ TIÊU XẾP HẠNG**  **Điều 7. Vốn**  Tiêu chí vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ an toàn vốn;  b) Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ các quy định pháp luật về ban hành, rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung, báo cáo Quy định nội bộ về đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định;  b) Tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định;  c) Tuân thủ các quy định pháp luật về giá trị thực của vốn điều lệ, vốn được cấp;  d) Tuân thủ các quy định pháp luật về đánh giá nội bộ về mức đủ vốn. | **Mục 1**  **TIÊU CHÍ, NHÓM CHỈ TIÊU XẾP HẠNG**  **Điều 7. Vốn**  Tiêu chí vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ an toàn vốn;  b) Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) *(Được bãi bỏ)*;  b) Tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định;  c) Tuân thủ các quy định pháp luật về giá trị thực của vốn điều lệ, vốn được cấp;  d) Tuân thủ các quy định pháp luật về đánh giá nội bộ về mức đủ vốn. | Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 7 theo hướng: bãi bỏ các chỉ tiêu tuân thủ tại điểm a khoản 2 Điều 7 về việc ban hành quy định nội bộ tại Tiêu chí và đưa về Tiêu chí Quản trị điều hành. |
| **8** | **Điều 8. Chất lượng tài sản**  Tiêu chí chất lượng tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ nợ xấu, nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được và nợ cơ cấu tiềm ẩn trở thành nợ xấu so với tổng nợ cộng thêm các khoản nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được;  b) Tỷ lệ nợ nhóm 2 so với tổng nợ;  c) Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng của các khách hàng có dư nợ cấp tín dụng lớn so với dư nợ cấp tín dụng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân;  d) Tỷ lệ nợ và cam kết ngoại bảng từ nhóm 3 đến nhóm 5 so với tổng nợ và các cam kết ngoại bảng từ nhóm 1 đến nhóm 5;  đ)[[15]](#footnote-15) ***(Được bãi bỏ)***  e) Tỷ lệ dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư (không bao gồm dự phòng rủi ro đã trích lập liên quan đến trái phiếu đặc biệt khi bán nợ cho VAMC) so với tổng số dư chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư (không bao gồm số dư trái phiếu đặc biệt khi bán nợ cho VAMC);  g)[[16]](#footnote-16) Tỷ lệ dư nợ tín dụng để đầu tư, kinh doanh bất động sản so với tổng dư nợ tín dụng (không bao gồm dư nợ tín dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác);  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a)[[17]](#footnote-17) Tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động cấp tín dụng;  b) Tuân thủ các quy định pháp luật về ban hành, rà soát, sửa đổi, bổ sung và báo cáo quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền vay, chính sách dự phòng rủi ro;  c) Tuân thủ các quy định pháp luật về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ;  d) Tuân thủ các quy định pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  đ) Tuân thủ các quy định pháp luật về trích lập và sử dụng các khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi;  e) Tuân thủ các quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt do công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành;  g) Tuân thủ các quy định pháp luật về hạn chế và giới hạn cấp tín dụng;  h) Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý rủi ro tín dụng. | **Điều 8. Chất lượng tài sản**  Tiêu chí chất lượng tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ nợ xấu, nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được và nợ cơ cấu tiềm ẩn trở thành nợ xấu so với tổng nợ cộng thêm các khoản nợ xấu đã bán cho VAMC chưa xử lý được;  b) Tỷ lệ nợ nhóm 2 so với tổng nợ;  *c) Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng đối với 100 khách hàng lớn nhất so với dư nợ cấp tín dụng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân;*  d) Tỷ lệ nợ và cam kết ngoại bảng từ nhóm 3 đến nhóm 5 so với tổng nợ và các cam kết ngoại bảng từ nhóm 1 đến nhóm 5;  đ)[[18]](#footnote-18) ***(Được bãi bỏ)***  e) Tỷ lệ dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư (không bao gồm dự phòng rủi ro đã trích lập liên quan đến trái phiếu đặc biệt khi bán nợ cho VAMC) so với tổng số dư chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư (không bao gồm số dư trái phiếu đặc biệt khi bán nợ cho VAMC);  g)[[19]](#footnote-19) Tỷ lệ dư nợ tín dụng để đầu tư, kinh doanh bất động sản so với tổng dư nợ tín dụng (không bao gồm dư nợ tín dụng đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác);  *h) Tỷ lệ dự phòng cụ thể đã trích lập so với nợ nhóm 2 đến nhóm 5;*  *i) Tỷ lệ tài sản có khác bình quân so với Tổng tài sản bình quân.*  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a)[[20]](#footnote-20) Tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động cấp tín dụng;  b) *(Được bãi bỏ)*;  c) Tuân thủ các quy định pháp luật về hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ;  d) Tuân thủ các quy định pháp luật về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  đ) Tuân thủ các quy định pháp luật về trích lập và sử dụng các khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi;  e) Tuân thủ các quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro đối với trái phiếu đặc biệt do công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành;  g) Tuân thủ các quy định pháp luật về hạn chế và giới hạn cấp tín dụng;  h) Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý rủi ro tín dụng. | 1. Sửa đổi, bổ sung điểm c Điều 8 theo hướng thay thế chỉ tiêu *“Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng của các khách hàng có dư nợ cấp tín dụng lớn so với dư nợ cấp tín dụng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân”* bằng chỉ tiêu *“Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng đối với 100 khách hàng lớn nhất so với dư nợ cấp tín dụng đối với tổ chức kinh tế, cá nhân”* để phản ánh mức độ tập trung rủi ro tín dụng của TCTD.  2. Bổ sung điểm h, i, g vào khoản 1 Điều 8 như sau:  *“h) Tỷ lệ dự phòng cụ thể đã trích lập so với nợ nhóm 2 đến nhóm 5;*  *i) Tỷ lệ tài sản có khác bình quân so với Tổng tài sản bình quân”*  Lý do:  - Chỉ tiêu *Tỷ lệ dự phòng cụ thể đã trích lập so với nợ nhóm 2 đến nhóm 5* phản ánh mức độ bao phủ nợ quá hạn, nợ xấu bằng dự phòng rủi ro đã trích lập của NHTM. Việc bổ sung tỷ lệ này sẽ giúp đánh giá được đầy đủ hơn về chất lượng tài sản của NHTM.  - Chỉ tiêu *Tỷ lệ tài sản có khác bình quân so với Tổng tài sản bình quân* phản ánh mức độ tập trung của NHTM vào các tài sản có khác. Do đó, cần thiết bổ sung chỉ tiêu trên để có thêm căn cứ đánh giá tiêu chí Chất lượng tài sản của NHTM.  3. Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 8 theo hướng: bãi bỏ các chỉ tiêu tuân thủ tại điểm b khoản 2 Điều 8 về việc ban hành quy định nội bộ tại Tiêu chí và đưa về Tiêu chí Quản trị điều hành. |
| **9** | **Điều 9. Quản trị điều hành**  Tiêu chí quản trị điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng: Tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ các quy định pháp luật về cổ đông, cổ phần, cổ phiếu;  b) Tuân thủ các quy định pháp luật về giới hạn góp vốn, mua cổ phần;  c) Tuân thủ các quy định pháp luật về Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các quy định pháp luật khác về quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  d) Tuân thủ các quy định pháp luật về hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro (không bao gồm quản lý rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro thanh khoản, quản lý rủi ro thị trường) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  đ) Tuân thủ các quy định pháp luật về kiểm toán độc lập;  e) Tuân thủ các quy định pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo;  g) Tuân thủ các quy định pháp luật về tiền tệ, ngân hàng khác ngoài các quy định đã được đề cập tại các chỉ tiêu định tính quy định tại Điều 7, 8, 10, 11, 12 Thông tư này và Điểm a, b, c, d, đ, e Khoản 2 Điều này. | **Điều 9. Quản trị điều hành**  Tiêu chí quản trị điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng: Tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ các quy định pháp luật về cổ đông, cổ phần, cổ phiếu;  b) Tuân thủ các quy định pháp luật về giới hạn góp vốn, mua cổ phần;  c) Tuân thủ các quy định pháp luật về Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các quy định pháp luật khác về quản trị, điều hành của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  d) Tuân thủ các quy định pháp luật về hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro (không bao gồm quản lý rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro thanh khoản, quản lý rủi ro thị trường) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  đ) Tuân thủ các quy định pháp luật về kiểm toán độc lập;  e) Tuân thủ các quy định pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo;  *g) Tuân thủ các quy định pháp luật về ban hành, rà soát, sửa đổi, bổ sung và báo cáo quy định nội bộ;*  *h) Tuân thủ các quy định pháp luật về tiền tệ, ngân hàng khác ngoài các quy định đã được đề cập tại các chỉ tiêu định tính quy định tại* *Điều 7, 8,* *10,* *11, 12 Thông tư này và điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều này.* | - Sửa đổi, bổ sung điểm g, h khoản 2 Điều 9 theo hướng bổ sung các chỉ tiêu tuân thủ việc ban hành quy định nội bộ (bao gồm các quy định nội bộ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7, điểm b khoản 2 Điều 8, điểm b khoản 2 Điều 11 của Thông tư 52/2018/TT-NHNN, được bãi bỏ tại DTTT) vào Tiêu chí Quản trị điều hành. |
| **10** | **Điều 10. Kết quả hoạt động kinh doanh**  Tiêu chí kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân;  b) Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế so với tổng tài sản bình quân;  c) Thu nhập lãi cận biên (NIM);  d) Số ngày lãi phải thu.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính: Tuân thủ quy định pháp luật về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | **Điều 10. Kết quả hoạt động kinh doanh**  Tiêu chí kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân;  b) Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế so với tổng tài sản bình quân;  c) Thu nhập lãi cận biên (NIM);  d) Số ngày lãi phải thu.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính: Tuân thủ quy định pháp luật về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **11** | **Điều 11. Khả năng thanh khoản**  Tiêu chí khả năng thanh khoản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân so với tổng tài sản bình quân;  b) Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn;  c) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;  d) Tỷ lệ tiền gửi của khách hàng có số dư tiền gửi lớn so với tổng tiền gửi.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ các quy định pháp luật về tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;  b) Tuân thủ các quy định pháp luật về ban hành, rà soát, sửa đổi, bổ sung và báo cáo quy định nội bộ về quản lý thanh khoản và tuân thủ các quy định pháp luật khác về quản lý rủi ro thanh khoản. | **Điều 11. Khả năng thanh khoản**  Tiêu chí khả năng thanh khoản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân so với tổng tài sản bình quân;  b) Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung và dài hạn;  c) Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;  d) Tỷ lệ tiền gửi của khách hàng có số dư tiền gửi lớn so với tổng tiền gửi.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ các quy định pháp luật về tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi;  b) *(Được bãi bỏ).* | Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 11 theo hướng: bãi bỏ các chỉ tiêu tuân thủ điểm b khoản 2 Điều 11 về ban hành quy định nội bộ tại Tiêu chí và đưa về Tiêu chí Quản trị điều hành. |
| **12** | **Điều 12. Mức độ nhạy cảm đối với rủi ro thị trường**  Tiêu chí mức độ nhạy cảm đối với rủi ro thị trường của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ tổng trạng thái ngoại tệ so với vốn tự có riêng lẻ bình quân;  b) Tỷ lệ chênh lệch giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nợ phải trả nhạy cảm lãi suất so với Vốn chủ sở hữu.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ giới hạn tổng trạng thái ngoại tệ theo quy định của pháp luật;  b) Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý rủi ro thị trường. | **Điều 12. Mức độ nhạy cảm đối với rủi ro thị trường**  Tiêu chí mức độ nhạy cảm đối với rủi ro thị trường của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được đánh giá, cho điểm theo các nhóm chỉ tiêu sau đây:  1. Nhóm chỉ tiêu định lượng:  a) Tỷ lệ tổng trạng thái ngoại tệ so với vốn tự có riêng lẻ bình quân;  b) Tỷ lệ chênh lệch giữa tài sản nhạy cảm lãi suất và nợ phải trả nhạy cảm lãi suất so với Vốn chủ sở hữu.  2. Nhóm chỉ tiêu định tính:  a) Tuân thủ giới hạn tổng trạng thái ngoại tệ theo quy định của pháp luật;  b) Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý rủi ro thị trường. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **13** | **CÁCH TÍNH ĐIỂM VÀ XẾP HẠNG**  **Điều 13. Cách tính điểm từng chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu định lượng**  Điểm của từng chỉ tiêu định lượng tại 06 tiêu chí xếp hạng được tính theo các mức điểm 1, 2, 3, 4 hoặc 5; điểm của nhóm chỉ tiêu định lượng được tính theo các mức điểm từ 1 đến 5; trong đó mức điểm 5 là tốt nhất và mức điểm 1 là kém nhất, cụ thể như sau:  1. Điểm của từng chỉ tiêu định lượng được xác định trên cơ sở so sánh giá trị của chỉ tiêu định lượng với các ngưỡng tính điểm của chỉ tiêu định lượng đó. Ngưỡng tính điểm định lượng được xác định căn cứ vào dữ liệu lịch sử về các chỉ tiêu định lượng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Mức điểm của từng chỉ tiêu định lượng được xác định cụ thể như sau:  a) Trường hợp chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng giảm:  (i) Điểm 5 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 1;  (ii) Điểm 4 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 2 và nhỏ hơn ngưỡng 1;  (iii) Điểm 3 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 3 và nhỏ hơn ngưỡng 2;  (iv) Điểm 2 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 4 và nhỏ hơn ngưỡng 3;  (v) Điểm 1 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn ngưỡng 4.  b) Trường hợp chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng tăng:  (i) Điểm 5 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 1;  (ii) Điểm 4 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 2 và lớn hơn ngưỡng 1;  (iii) Điểm 3 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 3 và lớn hơn ngưỡng 2;  (iv) Điểm 2 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 4 và lớn hơn ngưỡng 3;  (v) Điểm 1 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn ngưỡng 4.  c) Trường hợp chỉ tiêu định lượng có giá trị càng sát giá trị 0 thì mức độ rủi ro càng giảm:  (i) Điểm 5 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 1;  (ii) Điểm 4 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 2 và lớn hơn ngưỡng 1;  (iii) Điểm 3 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 3 và lớn hơn ngưỡng 2;  (iv) Điểm 2 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 4 và lớn hơn ngưỡng 3;  (v) Điểm 1 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu lớn hơn ngưỡng 4.  d) Các ngưỡng 1, ngưỡng 2, ngưỡng 3 và ngưỡng 4 của từng chỉ tiêu định lượng áp dụng đối với từng nhóm đồng hạng được quy định tại Điều 14 Thông tư này.  đ)[[21]](#footnote-21) Trường hợp Tổng thu nhập hoạt động có giá trị âm khi xác định chỉ tiêu định lượng quy định tại khoản 1 Điều 9, Lợi nhuận trước thuế và Vốn chủ sở hữu bình quân có giá trị âm khi xác định chỉ tiêu định lượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 thì mức điểm của từng chỉ tiêu định lượng này bằng 1.  2. Điểm của nhóm chỉ tiêu định lượng tại từng tiêu chí được xác định bằng tổng điểm của từng chỉ tiêu định lượng sau khi nhân với trọng số của từng chỉ tiêu định lượng. Trọng số của từng chỉ tiêu định lượng áp dụng đối với từng nhóm đồng hạng được quy định tại Điều 15 Thông tư này.  3.[[22]](#footnote-22) ***(Được bãi bỏ)***. | **CÁCH TÍNH ĐIỂM VÀ XẾP HẠNG**  **Điều 13. Cách tính điểm từng chỉ tiêu, nhóm chỉ tiêu định lượng**  Điểm của từng chỉ tiêu định lượng tại 06 tiêu chí xếp hạng được tính theo các mức điểm 1, 2, 3, 4 hoặc 5; điểm của nhóm chỉ tiêu định lượng được tính theo các mức điểm từ 1 đến 5; trong đó mức điểm 5 là tốt nhất và mức điểm 1 là kém nhất, cụ thể như sau:  1. Điểm của từng chỉ tiêu định lượng được xác định trên cơ sở so sánh giá trị của chỉ tiêu định lượng với các ngưỡng tính điểm của chỉ tiêu định lượng đó. Ngưỡng tính điểm định lượng được xác định căn cứ vào dữ liệu lịch sử về các chỉ tiêu định lượng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Mức điểm của từng chỉ tiêu định lượng được xác định cụ thể như sau:  a) Trường hợp chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng giảm:  (i) Điểm 5 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 1;  (ii) Điểm 4 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 2 và nhỏ hơn ngưỡng 1;  (iii) Điểm 3 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 3 và nhỏ hơn ngưỡng 2;  (iv) Điểm 2 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn hoặc bằng ngưỡng 4 và nhỏ hơn ngưỡng 3;  (v) Điểm 1 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn ngưỡng 4.  b) Trường hợp chỉ tiêu định lượng có giá trị càng lớn thì mức độ rủi ro càng tăng:  (i) Điểm 5 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 1;  (ii) Điểm 4 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 2 và lớn hơn ngưỡng 1;  (iii) Điểm 3 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 3 và lớn hơn ngưỡng 2;  (iv) Điểm 2 nếu giá trị chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 4 và lớn hơn ngưỡng 3;  (v) Điểm 1 nếu giá trị chỉ tiêu lớn hơn ngưỡng 4.  c) Trường hợp chỉ tiêu định lượng có giá trị càng sát giá trị 0 thì mức độ rủi ro càng giảm:  (i) Điểm 5 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 1;  (ii) Điểm 4 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 2 và lớn hơn ngưỡng 1;  (iii) Điểm 3 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 3 và lớn hơn ngưỡng 2;  (iv) Điểm 2 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 4 và lớn hơn ngưỡng 3;  (v) Điểm 1 nếu giá trị tuyệt đối của chỉ tiêu lớn hơn ngưỡng 4.  d) Các ngưỡng 1, ngưỡng 2, ngưỡng 3 và ngưỡng 4 của từng chỉ tiêu định lượng áp dụng đối với từng nhóm đồng hạng được quy định tại Điều 14 Thông tư này.  đ)[[23]](#footnote-23) Trường hợp Tổng thu nhập hoạt động có giá trị âm khi xác định chỉ tiêu định lượng quy định tại khoản 1 Điều 9, Lợi nhuận trước thuế và Vốn chủ sở hữu bình quân có giá trị âm khi xác định chỉ tiêu định lượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10, *Vốn tự có có giá trị âm khi xác định chỉ tiêu định lượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7,* *Vốn cấp 1 có giá trị âm khi xác định chỉ tiêu định lượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7* thì mức điểm của từng chỉ tiêu định lượng này bằng 1.  2. Điểm của nhóm chỉ tiêu định lượng tại từng tiêu chí được xác định bằng tổng điểm của từng chỉ tiêu định lượng sau khi nhân với trọng số của từng chỉ tiêu định lượng. Trọng số của từng chỉ tiêu định lượng áp dụng đối với từng nhóm đồng hạng được quy định tại Điều 15 Thông tư này.  3. Đối với các chỉ tiêu định lượng tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư này, trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện tỷ lệ an toàn vốn theo phương pháp tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số ..../2025/TT-NHNN trước thời điểm 01/01/2030 hoặc phương pháp xếp hạng tín dụng nội bộ quy định tại Thông tư số ..../2025/TT-NHNN, điểm của chỉ tiêu định lượng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư này sẽ được cộng thêm một điểm sau khi đã được xác định theo quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều này và đảm bảo điểm của chỉ tiêu định lượng này tối đa bằng 5. | 1. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 13 Thông tư 52/2018/TT-NHNN (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư 23/2021/TT-NHNN) theo hướng bổ sung trường hợp TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có *Vốn tự có có giá trị âm khi xác định chỉ tiêu định lượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều 8, Vốn cấp 1 có giá trị âm khi xác định chỉ tiêu định lượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7* thì mức điểm của từng chỉ tiêu định lượng này bằng 1. Lý do: Trường hợp vốn tự có âm, vốn cấp 1 âm thì ý nghĩa kinh tế của chỉ tiêu sẽ không phù hợp, TCTD sẽ nhận mức điểm thấp nhất (bằng 1).  2. Bổ sung khoản 3 Điều 13 theo hướng: quy định cộng thêm 01 điểm đối với chỉ tiêu định lượng về tỷ lệ an toàn vốn thuộc Tiêu chí Vốn khi thực hiện đánh giá, xếp hạng các TCTD, nhằm khuyến khích các TCTD áp dụng sớm các tiêu chuẩn theo khuyến nghị của Ủy ban Basel (cao hơn các yêu cầu hiện nay tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN) về an toàn vốn. |
| **14** | **Điều 14. Ngưỡng tính điểm từng chỉ tiêu định lượng** | **Điều 14. Ngưỡng tính điểm từng chỉ tiêu định lượng**  ***(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*** | DTTT điều chỉnh ngưỡng, trọng số của một số chỉ tiêu định lượng liên quan đến chất lượng tài sản, quản trị điều hành và kết quả hoạt động kinh doanh nhằm phù hợp với điều kiện thị trường giai đoạn hiện nay. Chi tiết nội dung điều chỉnh, bổ sung và lý do điều chỉnh được nêu tại Phụ lục. |
| **15** | **Điều 15. Trọng số của từng chỉ tiêu định lượng** | **Điều 15. Trọng số của từng chỉ tiêu định lượng**  ***(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*** |
| **16** | **Điều 16. Cách tính điểm nhóm chỉ tiêu định tính[[24]](#footnote-24)**  1. Điểm của nhóm chỉ tiêu định tính tại từng tiêu chí xếp hạng được xác định trên cơ sở đánh giá mức độ tuân thủ quy định pháp luật của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo các mức điểm 1, 2, 3, 4 hoặc 5; trong đó mức điểm có giá trị càng nhỏ thì mức độ tuân thủ quy định pháp luật càng thấp.  2. Các hành vi vi phạm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng để tính điểm nhóm chỉ tiêu định tính của từng tiêu chí xếp hạng quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này được xác định theo đồng thời 02 (hai) tiêu chí như sau:  a) Thời gian xác định hành vi vi phạm:  (i) Các vi phạm được phát hiện trong vòng 04 (bốn) năm liền kề trước của năm xếp hạng nhưng chưa khắc phục xong;  (ii) Các vi phạm được phát hiện trong năm xếp hạng;  b) Hình thức xác định hành vi vi phạm:  (i) Kết quả giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (bao gồm Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước khác và công ty kiểm toán độc lập) hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các cấp có thẩm quyền;  (ii) Vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện, báo cáo và chưa khắc phục xong.  3. Điểm của nhóm chỉ tiêu định tính theo từng tiêu chí xếp hạng được xác định như sau:  a) Đối với các hành vi vi phạm được quy định tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các cấp có thẩm quyền và/hoặc các hành vi vi phạm được quy định tại Nghị định quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính được xác định trên cơ sở so sánh giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính quy định tại khoản 4 Điều này với các ngưỡng tính điểm của nhóm chỉ tiêu định tính quy định tại Điều 16a Thông tư này, cụ thể như sau:  (i) Điểm 5 nếu giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 1;  (ii) Điểm 4 nếu giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 2 và lớn hơn ngưỡng 1;  (iii) Điểm 3 nếu giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 3 và lớn hơn ngưỡng 2;  (iv) Điểm 2 nếu giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 4 và lớn hơn ngưỡng 3;  (v) Điểm 1 nếu giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính lớn hơn ngưỡng 4;  b) Đối với các hành vi vi phạm không thuộc điểm a Khoản này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ nhận mức điểm 4;  c) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có đồng thời hai mức điểm xác định theo quy định tại điểm a Khoản này và xác định theo quy định tại điểm b Khoản này, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là mức thấp nhất giữa hai mức điểm này.  4. Giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính là giá trị phản ánh mức độ vi phạm quy định pháp luật về tiền tệ và ngân hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có xem xét đến yếu tố quy mô của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại từng tiêu chí xếp hạng. Giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính được xác định như sau:  7  Trong đó:  - Tổng mức tiền phạt là tổng mức tiền phạt của các hành vi vi phạm các chỉ tiêu của nhóm chỉ tiêu định tính tại một tiêu chí xếp hạng. Tổng mức tiền phạt được tính bằng tổng mức phạt tiền được quy định tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các cấp có thẩm quyền và mức phạt tiền trung bình của các hành vi vi phạm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại Nghị định quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Đối với hành vi vi phạm có hình thức xử phạt là cảnh cáo, mức tiền phạt để xác định tổng mức tiền phạt bằng 0.  - Vốn tự có riêng lẻ được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  5. Sau khi xác định mức điểm đối với nhóm chỉ tiêu định tính tại từng tiêu chí xếp hạng theo quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ tiếp tục bị trừ điểm với điều kiện số điểm trừ tối đa không nhiều hơn 0,9 điểm theo nguyên tắc như sau:  a) Tại cùng một nhóm chỉ tiêu định tính tại từng tiêu chí xếp hạng, trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhiều hơn 02 (hai) vi phạm thì điểm của nhóm chỉ tiêu định tính sẽ bị trừ 0,1 điểm đối với mỗi lần vi phạm (áp dụng từ lần vi phạm thứ hai trở lên), trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản này;  b) Đối với trường hợp vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện và báo cáo nhưng chưa khắc phục xong, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính sẽ bị trừ 0,05 điểm đối với mỗi lần vi phạm (áp dụng từ lần vi phạm thứ hai trở lên).  6. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện đầy đủ kế hoạch khắc phục các khuyến nghị, cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến tổ chức, quản trị, điều hành ngoại trừ do tác động của các sự kiện bất khả kháng, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này sau khi đã được xác định theo quy định tại khoản 3, 5 Điều này sẽ tiếp tục bị trừ điểm theo nguyên tắc như sau:  a) Trường hợp điểm của nhóm chỉ tiêu định tính lớn hơn 1, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ 1 điểm;  b) Trường hợp điểm của nhóm chỉ tiêu định tính nhỏ hơn hoặc bằng 1, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ điểm và bằng 0,1 điểm.  7. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa hoặc không thuộc đối tượng phải tuân thủ một hoặc các chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu định tính theo quy định pháp luật về tiền tệ và ngân hàng thì chưa hoặc không bị tính điểm đối với một hoặc các chỉ tiêu đó.  **Điều 16a.** Ngưỡng tính điểm từng nhóm chỉ tiêu định tính[[25]](#footnote-25)  Các ngưỡng 1, ngưỡng 2, ngưỡng 3 và ngưỡng 4 của từng nhóm chỉ tiêu định tính có giá trị càng lớn thì mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài càng giảm. Các ngưỡng này được xác định cụ thể như sau:  *(Bảng biểu chi tiết)* | **Điều 16. Cách tính điểm nhóm chỉ tiêu định tính**  1. Điểm của nhóm chỉ tiêu định tính tại từng tiêu chí xếp hạng được xác định trên cơ sở đánh giá mức độ tuân thủ quy định pháp luật *và việc tuân thủ chỉ đạo điều hành của Ngân hàng Nhà nước* của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo các mức điểm 1, 2, 3, 4 hoặc 5; trong đó mức điểm có giá trị càng nhỏ thì mức độ tuân thủ quy định pháp luật càng thấp.  2. Các hành vi vi phạm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sử dụng để tính điểm nhóm chỉ tiêu định tính của từng tiêu chí xếp hạng quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này *là các hành vi vi phạm được quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng và* được xác định theo đồng thời 02 (hai) tiêu chí như sau:  a) Thời gian xác định hành vi vi phạm:  (i) Các vi phạm được phát hiện trong vòng 04 (bốn) năm liền kề trước của năm xếp hạng nhưng chưa khắc phục xong *trước 01/01 năm xếp hạng*;  (ii) Các vi phạm được phát hiện trong năm xếp hạng;  b) Hình thức xác định hành vi vi phạm:  *(i) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các cấp có thẩm quyền;*  *(ii) Biên bản xử phạt vi phạm hành chính của các cấp có thẩm quyền;*  *(iii) Kết quả giám sát, kết luận thanh tra, kiểm tra, kết quả kiểm toán của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (bao gồm Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan quản lý nhà nước khác và công ty kiểm toán độc lập), trừ các vi phạm đã có quyết định, biên bản xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại tiết (i), (ii) điểm b khoản 2 Điều này;*  *(iv) Vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện, báo cáo và chưa khắc phục xong trước 01/01 năm xếp hạng.*  3. *Điểm của nhóm chỉ tiêu định tính theo từng tiêu chí xếp hạng được xác định trên cơ sở so sánh giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính quy định tại khoản 4 Điều này với các ngưỡng tính điểm của nhóm chỉ tiêu định tính quy định tại Điều 16a Thông tư này, cụ thể như sau:*  *a) Điểm 5 nếu giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 1;*  *b) Điểm 4 nếu giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 2 và lớn hơn ngưỡng 1;*  *c) Điểm 3 nếu giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 3 và lớn hơn ngưỡng 2;*  *d) Điểm 2 nếu giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng 4 và lớn hơn ngưỡng 3;*  *đ) Điểm 1 nếu giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính lớn hơn ngưỡng 4.*  4. Giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính là giá trị phản ánh mức độ vi phạm quy định pháp luật về tiền tệ và ngân hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có xem xét đến yếu tố quy mô của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại từng tiêu chí xếp hạng. Giá trị của nhóm chỉ tiêu định tính được xác định như sau:  7  Trong đó:  - *Tổng mức tiền phạt là tổng mức tiền phạt của các hành vi vi phạm các chỉ tiêu của nhóm chỉ tiêu định tính tại một tiêu chí xếp hạng. Tổng mức tiền phạt được tính bằng tổng mức phạt tiền của các hành vi vi phạm được xác định tại tiết i điểm b khoản 2 Điều này được quy định tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các cấp có thẩm quyền và mức phạt tiền tối thiểu của các hành vi vi phạm được xác định tại tiết (ii), (iii), (iv) điểm b khoản 2 Điều này được quy định tại Nghị định quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Đối với hành vi vi phạm có hình thức xử phạt là cảnh cáo, mức tiền phạt để xác định tổng mức tiền phạt bằng 0*.  - Vốn tự có riêng lẻ được xác định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  5. Sau khi xác định mức điểm đối với nhóm chỉ tiêu định tính tại từng tiêu chí xếp hạng theo quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sẽ tiếp tục bị trừ điểm với điều kiện số điểm trừ tối đa không nhiều hơn 0,9 điểm theo nguyên tắc như sau:  a) Tại cùng một nhóm chỉ tiêu định tính tại từng tiêu chí xếp hạng, trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có *từ 02 (hai) vi phạm trở lên* thì điểm của nhóm chỉ tiêu định tính sẽ bị trừ 0,1 điểm đối với mỗi lần vi phạm (áp dụng từ lần vi phạm thứ hai trở lên), trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản này;  b) Đối với trường hợp vi phạm do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tự phát hiện và báo cáo nhưng chưa khắc phục xong, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính sẽ bị trừ 0,05 điểm đối với mỗi lần vi phạm (áp dụng từ lần vi phạm thứ hai trở lên).  6. Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thực hiện đầy đủ kế hoạch khắc phục các khuyến nghị, cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước liên quan đến tổ chức, quản trị, điều hành *và/hoặc vượt chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng do Ngân hàng Nhà nước thông báo*, ngoại trừ do tác động của các sự kiện bất khả kháng, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư này sau khi đã được xác định theo quy định tại khoản 3, 5 Điều này sẽ tiếp tục bị trừ điểm theo nguyên tắc sau:  a) Trường hợp điểm của nhóm chỉ tiêu định tính lớn hơn 1, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ 1 điểm;  b) Trường hợp điểm của nhóm chỉ tiêu định tính nhỏ hơn hoặc bằng 1, điểm của nhóm chỉ tiêu định tính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ điểm và bằng 0,1 điểm.  7. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa hoặc không thuộc đối tượng phải tuân thủ một hoặc các chỉ tiêu trong nhóm chỉ tiêu định tính theo quy định pháp luật về tiền tệ và ngân hàng thì chưa hoặc không bị tính điểm đối với một hoặc các chỉ tiêu đó.  **Điều 16a.** Ngưỡng tính điểm từng nhóm chỉ tiêu định tính[[26]](#footnote-26)  Các ngưỡng 1, ngưỡng 2, ngưỡng 3 và ngưỡng 4 của từng nhóm chỉ tiêu định tính có giá trị càng lớn thì mức độ tuân thủ pháp luật của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài càng giảm. Các ngưỡng này được xác định cụ thể như sau:  *(Bảng biểu chi tiết)* | Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 16 theo hướng:  - Làm rõ hơn về căn cứ, phạm vi, thời gian xác định hành vi vi phạm được sử dụng để tính điểm nhóm chỉ tiêu định tính.  - Bổ sung thêm hình thức xác định hành vi vi phạm là biên bản vi phạm hành chính để áp dụng trong trường hợp không ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính đã hết thời hiệu xử phạt.  - Quy định rõ hơn về việc xác định tổng mức tiền phạt.  - Đảm bảo tính logic trong việc tính điểm trừ đối với TCTD, CNNHNNg có từ 02 (hai) vi phạm trở lên.  - Bổ sung quy định về việc trừ điểm đối với TCTD, CNNHNNg tăng trưởng tín dụng vượt chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng do Ngân hàng Nhà nước thông báo. |
| **17** | **Điều 17. Điểm của từng tiêu chí**  Điểm của từng tiêu chí được quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này bằng tổng điểm của nhóm chỉ tiêu định lượng và điểm của nhóm chỉ tiêu định tính thuộc tiêu chí sau khi nhân với trọng số của từng nhóm chỉ tiêu định lượng và nhóm chỉ tiêu định tính. Trọng số của từng nhóm chỉ tiêu định lượng, nhóm chỉ tiêu định tính được quy định tại Điều 18 Thông tư này. | **Điều 17. Điểm của từng tiêu chí**  Điểm của từng tiêu chí được quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này bằng tổng điểm của nhóm chỉ tiêu định lượng và điểm của nhóm chỉ tiêu định tính thuộc tiêu chí sau khi nhân với trọng số của từng nhóm chỉ tiêu định lượng và nhóm chỉ tiêu định tính. Trọng số của từng nhóm chỉ tiêu định lượng, nhóm chỉ tiêu định tính được quy định tại Điều 18 Thông tư này. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **18** | **Điều 18. Trọng số từng tiêu chí, nhóm chỉ tiêu định lượng và nhóm chỉ tiêu định tính trong từng tiêu chí**  1. Trọng số của từng tiêu chí, nhóm chỉ tiêu định lượng, nhóm chỉ tiêu định tính được xác định cụ thể như sau:  *(Bảng biểu chi tiết)*  - Số thứ tự 3 khoản 1 Điều 18 về trọng số của tiêu chí Quản trị điều hành (M): 10%.  Số thứ tự 3.1 khoản 1 Điều 18 về trọng số nhóm chỉ tiêu định lượng của tiêu chí (M): 3%.  - Số thứ tự 4 khoản 1 Điều 18 về trọng số của tiêu chí Kết quả hoạt động kinh doanh (E): 20%.  Số thứ tự 4.1 khoản 1 Điều 18 về trọng số nhóm chỉ tiêu định lượng của tiêu chí (E): 15%.  2. Đối với công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và ngân hàng hợp tác xã, trọng số của tiêu chí Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường là 5%, trọng số của nhóm chỉ tiêu định lượng của tiêu chí Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường là 5% và trọng số của nhóm chỉ tiêu định tính của tiêu chí Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường là 0%. | **Điều 18. Trọng số từng tiêu chí, nhóm chỉ tiêu định lượng và nhóm chỉ tiêu định tính trong từng tiêu chí**  1. Trọng số của từng tiêu chí, nhóm chỉ tiêu định lượng, nhóm chỉ tiêu định tính được xác định cụ thể như sau:  *(Bảng biểu chi tiết)*  - Số thứ tự 3 khoản 1 Điều 18 về trọng số của tiêu chí Quản trị điều hành (M): *15%*.  Số thứ tự 3.1 khoản 1 Điều 18 về trọng số nhóm chỉ tiêu định lượng của tiêu chí (M): *8%*.  - Số thứ tự 4 khoản 1 Điều 18 về trọng số của tiêu chí Kết quả hoạt động kinh doanh (E): *15%*.  Số thứ tự 4.1 khoản 1 Điều 18 về trọng số nhóm chỉ tiêu định lượng của tiêu chí (E): *10%*.  2. Đối với công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, trọng số của tiêu chí Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường là 5%, trọng số của nhóm chỉ tiêu định lượng của tiêu chí Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường là 5% và trọng số của nhóm chỉ tiêu định tính của tiêu chí Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường là 0%. | *1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 theo hướng:*  - Tại số thứ tự thứ 3 khoản 1: trọng số của tiêu chí Quản trị điều hành (M) tăng từ 10% lên 15%. Đồng thời, tại số thứ tự 3.1 khoản 1: trọng số nhóm chỉ tiêu định lượng của tiêu chí (M) tăng từ 3% lên 8%.  - Tại số thứ tự thứ 4 khoản 1: trọng số của tiêu chí Kết quả hoạt động kinh doanh (E) giảm từ 20% xuống 15%. Đồng thời, tại số thứ tự 4.1 khoản 1: trọng số nhóm chỉ tiêu định lượng của tiêu chí (E) giảm từ 15% xuống 10%.  Lý do:  - Các ngân hàng cần hướng đến sự phát triển bền vững, không vì mục tiêu lợi nhuận ngắn hạn trước mắt để phù hợp với mục tiêu chung trong Chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (theo Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/8/2018).  - Nâng cao chất lượng quản trị điều hành của TCTD đồng nghĩa với yêu cầu các TCTD phải chú trọng hơn đến quản lý rủi ro, xây dựng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực của Ủy ban Basel.  *2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 theo hướng:* bỏ ngân hàng hợp tác xã tại nội dung khoản 2, theo đó trọng số của nhóm chỉ tiêu định lượng và nhóm chỉ tiêu định tính của tiêu chí Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường (S) của ngân hàng hợp tác xã tương ứng là 2% và 3%. |
| **19** | **Điều 19. Cách tính tổng điểm xếp hạng**  1. Tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định trên cơ sở tổng điểm của từng tiêu chí sau khi nhân với trọng số của từng tiêu chí. Trọng số của từng tiêu chí được quy định tại Điều 18 Thông tư này.  2. Tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ điểm khi điểm của nhóm chỉ tiêu định tính của từ 4 tiêu chí trở lên nhỏ hơn hoặc bằng 1 điểm theo các trường hợp sau:  a) Trường hợp tổng điểm xếp hạng lớn hơn 1, tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ 1 điểm;  b) Trường hợp tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn hoặc bằng 1, tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ điểm và bằng 0,1 điểm. | **Điều 19. Cách tính tổng điểm xếp hạng**  1. Tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định trên cơ sở tổng điểm của từng tiêu chí sau khi nhân với trọng số của từng tiêu chí. Trọng số của từng tiêu chí được quy định tại Điều 18 Thông tư này.  2. Tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ điểm khi điểm của nhóm chỉ tiêu định tính của từ 4 tiêu chí trở lên nhỏ hơn hoặc bằng 1 điểm theo các trường hợp sau:  a) Trường hợp tổng điểm xếp hạng lớn hơn 1, tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ 1 điểm;  b) Trường hợp tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn hoặc bằng 1, tổng điểm xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị trừ điểm và bằng 0,1 điểm. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **20** | **Điều 20. Xếp hạng**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xếp vào các hạng như sau:  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng A (Tốt) nếu Tổng điểm xếp hạng lớn hơn hoặc bằng 4,5.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng B (Khá) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 4,5 và lớn hơn hoặc bằng 3,5.  3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng C (Trung bình) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 3,5 và lớn hơn hoặc bằng 2,5.  4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng D (Yếu) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 2,5 và lớn hơn hoặc bằng 1,5.  5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng E (Yếu kém) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 1,5.  6. Ngoài quy định nêu tại Khoản 4 Điều 20 Thông tư này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng (D) nếu lâm vào một trong các trường hợp quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 130a Luật các tổ chức tín dụng (đã được sửa đổi, bổ sung).  7.[[27]](#footnote-27) Ngoài quy định nêu tại khoản 5 Điều 20 Thông tư này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng (E) nếu lâm vào một trong các trường hợp sau đây:  a) Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;  b) Số lỗ lũy kế lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ;  c) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng trong thời gian 12 tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% trong thời gian 06 tháng liên tục.  8.[[28]](#footnote-28) Tổng điểm xếp hạng được làm tròn đến số thập phân thứ hai và theo nguyên tắc như sau:  a) Số thập phân thứ hai tăng 0,01 điểm nếu số thập phân thứ ba có giá trị từ 6 đến 9;  b) Giữ nguyên số thập phân thứ hai nếu số thập phân thứ ba có giá trị từ 0 đến 5. | **Điều 20. Xếp hạng**  Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xếp vào các hạng như sau:  1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng A (Tốt) nếu Tổng điểm xếp hạng lớn hơn hoặc bằng 4,5.  2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng B (Khá) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 4,5 và lớn hơn hoặc bằng 3,5.  3. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng C (Trung bình) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 3,5 và lớn hơn hoặc bằng 2,5.  4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng D (Yếu) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 2,5 và lớn hơn hoặc bằng 1,5.  5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng E (Yếu kém) nếu Tổng điểm xếp hạng nhỏ hơn 1,5.  6. Ngoài quy định nêu tại Khoản 4 Điều 20 Thông tư này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng (D) nếu lâm vào một trong các trường hợp quy định tại *điểm a, c, d, đ Khoản 1 Điều 156 Luật Các tổ chức tín dụng*.  7. Ngoài quy định nêu tại khoản 5 Điều 20 Thông tư này, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xếp hạng (E) nếu lâm vào một trong các trường hợp quy định tại *điểm a, b, c, d, đ Khoản 1 Điều 162 Luật Các tổ chức tín dụng*.  8. Điểm xếp hạng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được quy định như sau:  a) Tổng điểm xếp hạng được làm tròn đến số thập phân thứ hai và theo nguyên tắc:  (i) Số thập phân thứ hai tăng thêm 1 nếu số thập phân thứ ba có giá trị từ 6 đến 9.  (ii) Giữ nguyên số thập phân thứ hai nếu số thập phân thứ 3 có giá trị từ 0 đến 5.  *b) Điểm thành phần của từng nhóm tiêu chí được làm tròn đến số thập phân thứ ba và theo nguyên tắc:*  *(i) Số thập phân thứ ba tăng thêm 1 nếu số thập phân thứ tư có giá trị từ 6 đến 9;*  *(ii) Giữ nguyên số thập phân thứ ba nếu số thập phân thứ tư có giá trị từ 0 đến 5.* | Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 20.  *1. Đối với khoản 6 Điều 20:*  Sửa đổi việc dẫn chiếu điều, khoản để phù hợp với Luật Các TCTD 2024 đã được ban hành (có hiệu lực từ 01/7/2024) theo hướng quy định việc xếp hạng (D) đối với một số trường hợp được xem xét can thiệp sớm quy định tại *điểm a, c, d, đ Khoản 1 Điều 156 Luật Các tổ chức tín dụng*.  *2. Đối với khoản 7 Điều 20:*  Sửa đổi việc dẫn chiếu điều, khoản để phù hợp với Luật Các TCTD 2024 đã được ban hành (có hiệu lực từ 01/7/2024) theo hướng quy định việc xếp hạng (E) đối với một số trường hợp được xem xét kiểm soát đặc biệt quy định tại *điểm a, b, c, d, đ Khoản 1 Điều 162 Luật Các tổ chức tín dụng*.  *3. Đối với Khoản 8 Điều 20:*  Bổ sung thêm quy định về việc làm tròn điểm thành phần để tạo sự thống nhất khi thực hiện chấm điểm, đồng thời sửa lại cách diễn đạt cho phù hợp logic. |
| **21** | **KẾT QUẢ XẾP HẠNG**  **Điều 21. Tần suất, thời gian thực hiện, phê duyệt xếp hạng**  1. Trước ngày 10 tháng 6 hàng năm, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng của năm trước liền kề đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng của năm trước liền kề đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3.[[29]](#footnote-29) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cơ cấu lại, hợp nhất, sáp nhập theo Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thời gian khác quy định tại khoản 1, 2 Điều này. | **KẾT QUẢ XẾP HẠNG**  **Điều 21. Tần suất, thời gian thực hiện, phê duyệt xếp hạng**  1. Trước ngày 10 tháng 6 hàng năm, *Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng làm đầu mối* trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng của năm trước liền kề đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng của năm trước liền kề đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3.[[30]](#footnote-30) Trường hợp tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cơ cấu lại, hợp nhất, sáp nhập theo Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, căn cứ yêu cầu quản lý nhà nước đối với từng trường hợp cụ thể, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thời gian khác quy định tại khoản 1, 2 Điều này. | Sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 21:  Sửa tên đơn vị thuộc NHNN do thay đổi cơ cấu tổ chức theo Nghị định 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| **22** | **Điều 22. Thông báo kết quả xếp hạng**  1. Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thông báo kết quả xếp hạng cho từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính.  2.[[31]](#footnote-31) Nội dung thông báo kết quả xếp hạng:  a) Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: Thông báo kết quả xếp hạng (bao gồm hạng, tổng điểm xếp hạng và điểm của từng nhóm tiêu chí quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này) của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;  b) Đối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố: Thông báo kết quả xếp hạng (bao gồm hạng, tổng điểm xếp hạng và điểm của từng nhóm tiêu chí quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này) của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính trên địa bàn tỉnh, thành phố.  3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm cung cấp kết quả xếp hạng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị này khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.  4. Ngân hàng Nhà nước thực hiện cung cấp kết quả xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước khác theo đúng quy định pháp luật.  5. Việc thông báo kết quả xếp hạng ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng nước ngoài cho ngân hàng trung ương nước ngoài, cơ quan giám sát tài chính nước ngoài thực hiện theo Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng trung ương, cơ quan giám sát ngân hàng nước ngoài. | **Điều 22. Thông báo kết quả xếp hạng**  1. Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng, *Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng thông báo kết quả xếp hạng cho từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đối tượng giám sát an toàn vi mô, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực thông báo kết quả xếp hạng cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đối tượng giám sát an toàn vi mô.*  2. *Nội dung thông báo kết quả xếp hạng đối với từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm hạng, tổng điểm xếp hạng và điểm của từng nhóm tiêu chí quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12 Thông tư này.*  3. *Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng làm đầu mối* cung cấp kết quả xếp hạng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị này khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.  4. Ngân hàng Nhà nước thực hiện cung cấp kết quả xếp hạng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước khác theo đúng quy định pháp luật.  5. Việc thông báo kết quả xếp hạng ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng nước ngoài cho ngân hàng trung ương nước ngoài, cơ quan giám sát tài chính nước ngoài thực hiện theo Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng trung ương, cơ quan giám sát ngân hàng nước ngoài. | Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 22 như sau:  *1. Sửa đổi, bổ sung* quy định tại khoản 1 Điều 22 (về đơn vị thực hiện thông báo kết quả xếp hạng), khoản 3 Điều 22 (đơn vị thực hiện cung cấp kết quả xếp hạng cho các đơn vị khác thuộc NHNN) để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc NHNN theo cơ cấu tổ chức quy định tại Nghị định 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  *2. Tại khoản 1, khoản 2 Điều 22* sửa đổi, bổ sung theo hướng:  - Bỏ quy định về thông báo và nội dung thông báo kết quả xếp hạng cho NHNN chi nhánh Khu vực, nơi TCTD, CNNHNNg đặt trụ sở chính.  Lý do: NHNN chi nhánh khu vực là đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của NHNN. Trường hợp NHNN chi nhánh khu vực cần có thông tin về kết quả xếp hạng của TCTD, CNNHNNg trên địa bàn để phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước của đơn vị, thì tương tự như các đơn vị khác thuộc NHNN, NHNN chi nhánh khu vực thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 22. |
| **23** | **Điều 23. Quản lý kết quả xếp hạng**  1.[[32]](#footnote-32) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp kết quả xếp hạng cho bên thứ ba (trừ trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp kết quả xếp hạng cho ngân hàng mẹ sau khi ngân hàng mẹ có văn bản cam kết không cung cấp kết quả xếp hạng cho bên thứ ba) dưới bất kỳ hình thức nào.  2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước khác thuộc đối tượng được cung cấp kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Khoản 4 Điều 22 Thông tư này phải thực hiện lưu trữ và sử dụng kết quả xếp hạng theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành ngân hàng. | **Điều 23. Quản lý kết quả xếp hạng**  1.[[33]](#footnote-33) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp kết quả xếp hạng cho bên thứ ba (trừ trường hợp chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp kết quả xếp hạng cho ngân hàng mẹ sau khi ngân hàng mẹ có văn bản cam kết không cung cấp kết quả xếp hạng cho bên thứ ba) dưới bất kỳ hình thức nào.  2*. Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực*, các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước khác thuộc đối tượng được cung cấp kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại *khoản 3,4,5 Điều 22* Thông tư này phải thực hiện lưu trữ và sử dụng kết quả xếp hạng theo quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành ngân hàng. | *Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 theo hướng:*  - Sửa đổi, bổ sung tên gọi một số đơn vị thuộc NHNN do thay đổi cơ cấu tổ chức theo Nghị định 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  - Bổ sung đối tượng được cung cấp kết quả xếp hạng tại khoản 3 và khoản 5 Điều 22 đều phải tuân thủ quy định về lưu trữ, sử dụng kết quả xếp hạng tương tự như các đối tượng tại khoản 4 Điều 22 để đảm bảo tính thống nhất về quản lý kết quả xếp hạng. |
| **24** | **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**  **Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp và có trách nhiệm giải trình, báo cáo bổ sung các nội dung liên quan tới việc xếp hạng theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.  2. Quản lý kết quả xếp hạng theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Thông tư này và các quy định pháp luật khác. | **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**  **Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**  1. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp và có trách nhiệm giải trình, báo cáo bổ sung các nội dung liên quan tới việc xếp hạng theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.  2. Quản lý kết quả xếp hạng theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Thông tư này và các quy định pháp luật khác. | DTTT giữ nguyên quy định này. |
| **25** | **Điều 25. Trách nhiệm, quyền hạn của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**  1. Làm đầu mối, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  3. Tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước các biện pháp xử lý đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật trên cơ sở kết quả xếp hạng đã được phê duyệt.  4. Lưu trữ, thông báo, cung cấp kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đúng quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan. | ***Điều 25. Trách nhiệm, quyền hạn của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng***  *1. Làm đầu mối, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực và các đơn vị liên quan thực hiện việc xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng giám sát vi an toàn mô của đơn vị.*  *2. Làm đầu mối tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*  *3. Thực hiện các biện pháp xử lý trên cơ sở kết quả xếp hạng đã được phê duyệt đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng giám sát vi an toàn mô của đơn vị.*  4. Lưu trữ, thông báo, cung cấp kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đúng quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan. | Sửa đổi, bổ sung *Điều 25* thành *trách nhiệm, quyền hạn của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng* do thay đổi cơ cấu tổ chức theo Nghị định 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| **26** | **Điều 26. Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**  1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện việc xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.  2. Tham mưu, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước các biện pháp xử lý đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật trên cơ sở kết quả xếp hạng đã được phê duyệt.  3. Lưu trữ kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đúng quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan. | **Điều 26. Trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực**  1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực đầu mối, phối hợp với Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng thực hiện việc xếp hạng các chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trụ sở chính đặt tại địa bàn của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (trừ chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng giám sát an toàn vi mô của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng).  2. Thực hiện các biện pháp xử lý đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng giám sát an toàn vi mô của đơn vị theo quy định của pháp luật trên cơ sở kết quả xếp hạng đã được phê duyệt.  *3. Trước ngày 31/3 của năm liền kề sau năm xếp hạng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực cung cấp cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng các tài liệu, thông tin, dữ liệu về tình hình vi phạm quy định pháp luật về tiền tệ, ngân hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong năm xếp hạng để làm cơ sở thực hiện xếp hạng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ đối với các tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp.*  4. Lưu trữ, *thông báo, cung cấp* kết quả xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo đúng quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan. | Sửa đổi, bổ sung *Điều 26* thành *trách nhiệm, quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực*, trong đó:  *1. Khoản 1, khoản 2 Điều 26 được sửa đổi, bổ sung* để phù hợp với sự thay đổi cơ cấu tổ chức theo Nghị định 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật Các TCTD (đã được sửa đổi, bổ sung).  *2. Bổ sung khoản 3 Điều 26* về thời hạn và trách nhiệm cung cấp thông tin phục vụ xếp hạng cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng để đảm bảo về tiến độ và tính chính xác, đầy đủ của thông tin được sử dụng để chấm điểm xếp hạng.  3. Bổ sung trách nhiệm của NHNN chi nhánh Khu vực về *thông báo, cung cấp* kết quả xếp hạng để phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 22 và khoản 2 Điều 23 của DTTT. |
| **27** |  | ***Điều 27. Trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước***  *1. Trước ngày 31/3 của năm liền kề sau năm xếp hạng, các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước cung cấp cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực các tài liệu, thông tin, dữ liệu theo đề nghị của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng để làm cơ sở thực hiện xếp hạng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ đối với các tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp.*  *2. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Thông tư này.* | Bổ sung *Điều 27 quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước* để đảm bảo trách nhiệm cung cấp thông tin của các đơn vị. |
| **28** | **Điều 27. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2019 và bắt đầu áp dụng để xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài từ năm 2019.  2. Bãi bỏ Quyết định số 06/2008/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 03 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định xếp loại ngân hàng thương mại cổ phần. | Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025 và bắt đầu áp dụng để xếp hạng các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài từ năm 2025. | Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thời điểm DTTT có hiệu lực thi hành. |
| **29** | **Điều 28. Tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi chức năng của mình chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện Thông tư này./. | Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. | Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với cơ cấu tổ chức theo Nghị định 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính Phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |

**CỤC AN TOÀN HỆ THỐNG CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

1. Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 23/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Thông tư số 23). [↑](#footnote-ref-1)
2. Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-2)
3. Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-3)
4. Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-4)
5. Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-5)
6. Nội dung này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-6)
7. Nội dung này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-7)
8. Khoản này được sửa đổi theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-8)
9. Nội dung này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-9)
10. Nội dung này được sửa đổi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-10)
11. Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-11)
12. Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-12)
13. Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 23/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. [↑](#footnote-ref-13)
14. Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-14)
15. Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-15)
16. Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-16)
17. Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-17)
18. Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-18)
19. Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-19)
20. Điểm này được sửa đổi theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-20)
21. Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 23 [↑](#footnote-ref-21)
22. Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-22)
23. Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 23/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài [↑](#footnote-ref-23)
24. Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-24)
25. Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-25)
26. Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-26)
27. Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-27)
28. Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-28)
29. Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-29)
30. Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-30)
31. Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-31)
32. Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-32)
33. Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 23. [↑](#footnote-ref-33)